

NGHI LỄ TRUYỀN THỐNG TRONG HÔN NHÂN CỦA NGƯỜI XTIÊNG Ở BÌNH PHƯỚC

PHẠM HỮU HIỂN*
NGÔ HÀ**

Bài viết nghiên cứu nghi lễ truyền thống trong hôn nhân của người Xtiêng ở Bình Phước qua nguồn tư liệu thứ cấp và sơ cấp từ điển dã dân tộc học ở cộng đồng người Xtiêng Bù Lơ và người Xtiêng Bù Đek. Nghi lễ hôn nhân của người Xtiêng có nội dung phong phú, mang nét đặc trưng của tộc người và phản ánh văn hóa của cộng đồng cư dân vốn sinh sống lâu đời ở vùng Bình Phước.

Từ khóa: nghi lễ hôn nhân, người Xtiêng

Nhận bài ngày: 9/7/2020; đưa vào biên tập: 16/7/2020; phản biện: 13/8/2020; duyệt đăng: 20/8/2020

1. GIỚI THIỆU

Theo số liệu Tổng Điều tra dân số năm 2019, tỉnh Bình Phước có 96.465 người Xtiêng⁽¹⁾, trong đó, đông nhất là huyện Bù Gia Mập, với hơn 22.000 người, huyện ít người Xtiêng nhất là huyện Phước Long, khoảng hơn 400 người. Xtiêng là dân tộc thiểu số cư trú lâu đời và có dân số đông nhất ở Bình Phước. Có nghiên cứu chia tộc người Xtiêng thành các nhóm: Bù Biéc, Bù Ác, Hạ Bạ (Phan An, 2007); hiện nay, có hai nhóm là Bù Lơ (vùng cao) và Bù Đek (vùng thấp). Người Xtiêng Bù Lơ sống tập trung ở các

huyện Đồng Xoài, Đồng Phú, Phú Riềng, Bù Đăng, Bù Gia Mập, Bù Đốp, Phước Long; người Xtiêng Bù Đek cư trú ở các huyện Lộc Ninh, Bình Long, Chơn Thành, Hớn Quản.

Cùng dân tộc, cùng lịch sử hình thành tộc người nhưng người Xtiêng Bù Lơ và người Xtiêng Bù Đek khác nhau về vùng cư trú, sự giao thoa tiếp biến văn hóa với các cộng đồng cư dân khác trong cùng khu vực nên đã tạo ra sự khác biệt trong một số loại hình văn hóa, thành tố văn hóa.

Người Xtiêng Bù Đek gọi nơi cư trú là Wăng còn người Xtiêng Bù Lơ gọi là Poh; người Xtiêng Bù Đek ngoài canh tác nương rẫy còn có hình thức canh

*, ** Bảo tàng tỉnh Bình Phước.

tác lúa nước khá phổ biến và thuần thực; người Xtiêng Bù Đek ngoài sử dụng các sản phẩm thổ cẩm còn sử dụng các loại trang phục áo bà ba, váy may kiểu váy của người Khmer...

Ngoài các lễ hội phổ biến hai cộng đồng đều có, như: lễ lập Wăng - Poh⁽³⁾ mới, mừng lúa mới, cầu mưa, người Xtiêng Bù Đek còn có lễ Hanh T'raanh (còn gọi là Phá Bàu), người Xtiêng Bù Lơ có lễ Teh Bo'k – tương tự như lễ kết nghĩa; trong đàn tằm trái sần: người Bù Lơ dùng lá cây dứa dại, người Bù Đek dùng cây Run;

Sự khác nhau trong các loại hình văn hóa của hai nhánh Bù Lơ và Bù Đek góp phần làm phong phú, đa dạng văn hóa tộc người, trong đó có nghi lễ và trình thức lễ liên quan đến hôn nhân.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Nhóm tác giả tổng hợp nhiều nguồn tư liệu đã được công bố để tìm hiểu các vấn đề liên quan đến văn hóa của người Xtiêng Bình Phước, như: *Hệ thống xã hội tộc người của người Stiêng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến năm 1975* của Phan An (2007); *Vấn đề dân tộc ở Sông Bé* của Mạc Đường (1985); *Truyện cổ Xtiêng* do Phan Xuân Viện chủ biên (2017); nghiên cứu về múa dân gian của Nguyễn Thành Đức (2004); các báo cáo của Bảo tàng tỉnh Bình Phước (2010)... Song song đó, chúng tôi thực hiện điền dã dân tộc học, kết hợp giữa quan sát tham dự và phỏng vấn sâu⁽²⁾ người Xtiêng ở thành phố Đồng Xoài, các xã Lộc Hòa (huyện Lộc

Ninh), Bình Minh (huyện Bù Đăng), Phú Nghĩa, Phú Riềng (huyện Bù Gia Mập), Thiện Hưng, Tân Thành (huyện Bù Đốp), Quang Minh (huyện Chơn Thành), và thị xã Phước Long từ năm 2017 đến năm 2019.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nghiên cứu cho thấy, nghi lễ trong hôn nhân của người Xtiêng Bù Đek có lễ hỏi, lễ cưới, lễ Đạp tro; người Xtiêng Bù Lơ có lễ hứa hôn, lễ hỏi, lễ cưới, lễ Trả của và lễ rước vợ về nhà. Lễ hỏi và lễ cưới của cư dân Bù Lơ và Bù Đek cũng có nhiều nội dung khác nhau.

3.1. Các nghi lễ trong hôn nhân của người Xtiêng Bù Đek

3.1.1. Lễ hỏi

Lễ được tổ chức tại nhà gái, vào đúng ngày đã xác định từ trước, gia đình nhà chàng trai cùng ông mai, người đại diện đến nhà gái để bàn việc thực hiện các bước tổ chức lễ cưới. Khi đi, gia đình nhà trai mang theo các vật lễ gồm rượu, trầu cau, một chiếc vòng đeo tay, một con gà, ở vùng Lộc Hòa (Lộc Ninh) còn có các vật lễ không thể thiếu là khiêng, chà gạt và lao.

Sau các bước xác định điều kiện kết hôn, gia đình nhà trai tiến hành trao cho nhà gái những vật lễ đã được thỏa thuận từ trước. Đồng thời, hai gia đình sẽ quyết định ngày cưới để hai bên chuẩn bị cho lễ cưới. Sau đó, nhà trai tiến hành trao cho nhà gái các vật lễ mang theo. Bà C.T.A (xã Quang Minh huyện Chơn Thành) cho biết, trong số các vật lễ nhà gái nhận từ

nhà trai, có một vật rất quan trọng, đó là chiếc vòng đeo tay. Khi nhận, cô gái không sử dụng mà trao lại vật này cho một người anh hoặc em trai. Nếu không có anh em ruột thì trao lại cho anh em họ. Người nhận được chiếc vòng này được xem là vinh dự lớn, xem như là một kỷ vật quý giá và thiêng liêng, không bao giờ bán hoặc trao tặng cho bất kỳ ai.

3.1.2. Lễ cưới

Đến ngày cưới, gia đình nhà trai mang theo các vật lễ đến nhà gái để tổ chức đám cưới. Lễ vật cơ bản có: heo đang sống (từ 2 con đến 3 con tùy điều kiện kinh tế gia đình nhà trai và sự đồng ý của nhà gái), cơm ống, hai nhánh chuối, một tấm đắp (Ndiêng hay Niêng Tắt), một ít tiền. Các vật lễ bắt buộc là: chà gạt (via), lao (ta át), dao côi - mỗi thứ một cái, 2 chiếc gối, một chiếc en the's (khiêng), một chiếc sung (rìu), một chiếc xá's (thường gọi là gùi), một dây py nhoong (loại dây chuỗi hạt nhiều màu đeo ở cổ), bảy chiếc coan - vòng đeo tay bằng đồng (sáu chiếc nhỏ một chiếc lớn), một chiếc âu đồng, một chiếc cốc nhỏ bằng đồng dùng để đựng cau trầu mời cha mẹ trong lễ cúng thần linh, ông bà. Đặc biệt phải có hai chiếc en niêng pơ nô và en niêng pé là hai tấm vải dùng để làm tấm trùm đầu khi tiến hành nghi thức rước dâu, rước rể vào khu vực làm lễ cúng thần linh và chúc phúc.

Khi đến trước ngõ nhà gái, gia đình nhà trai cử ông mai và người đại diện mang theo vật lễ (lao, khiêng, chà gạt) thông báo việc nhà trai đã đến và xin

được vào làm lễ cưới. Nhà gái cử một ông mai ngồi sẵn trên hiên nhà sàn để hát đối đáp lại. Sau nghi thức hát đối đáp giữa hai ông mai, ông mai nhà gái mời gia đình nhà trai lên nhà tiến hành các nghi thức lễ cưới.

Nhà trai bày các lễ vật để trình nhà gái. Lễ vật ngoài những thứ đã nêu ở trên còn có một chiếc hộp hình chữ nhật, trong đó đựng một ít tiền, một ít cau, trầu (trong đó phải có một miếng trầu bị thả bung khỏi nốt tằm), thuốc lá, một đồng tiền xu. Khi đại diện nhà trai soạn các lễ vật xong và thông báo cho nhà gái biết, đại diện nhà gái cũng kiểm tra xem các lễ vật có đúng, đủ như giao ước trước đây không. Quá trình đó, nhà gái sẽ phát hiện miếng trầu bị bung nốt tằm (do nhà trai cố tình tạo ra) và tiến hành phạt nhà trai với hình thức tượng trưng, chủ yếu là một chai rượu hoặc một ít tiền. Sau nghi thức phạt và nhận phạt này, nghi thức trao nhận lễ vật kết thúc.

Quy trình thực hiện nghi lễ cúng thần linh, tổ tiên ông bà và chúc phúc cho đôi vợ chồng diễn ra khá dài (khoảng hơn 2 giờ đồng hồ) với nhiều nghi thức. Một vật dụng rất quan trọng và không thể thiếu trong lễ cúng này là cây nêu. Ông Đ.B (xã Lộc Hòa, huyện Lộc Ninh) cho biết: người Xtiêng quan niệm cây nêu là nơi thần linh về ở và chứng kiến lễ cưới của hai vợ chồng... là cầu nối giữa thế giới thần linh với con người. Tác giả Phạm Đức Ngự cũng cho rằng: "... Người Xtiêng coi cây nêu là một vật "thiêng" của lễ hội, là cây thần linh giữa trời và đất,

nơi hội tụ nguồn sức mạnh thần bí. Khi lễ hội được diễn ra, người chủ lễ sẽ tiến hành nghi thức cầu khẩn thần linh nhằm tạ ơn đến các vị thần đã giúp đỡ cho dân làng sức khỏe, cuộc sống ấm no..." (Bảo tàng tỉnh Bình Phước, 2010).

Nhà gái bày soạn các lễ vật và vật dụng để thực hiện nghi lễ cúng ông bà và chúc phúc cho hai vợ chồng. Cây nêu dựng ở bên trái cửa ra vào, phía trước khu vực sẽ tổ chức các nghi thức. Chính giữa gần cửa ra vào đặt đầu heo (thường là ba cái, một lớn, hai nhỏ), tiếp đó là bốn phần cơm (trước đây đặt trên lá chuối, hiện nay đặt trong bốn chén) trong đó có thịt, cau trầu và một số thanh tre nhỏ, có chức năng sử dụng tương tự như đĩa của người Kinh; một hộp nhỏ bằng gỗ đựng cau trầu, tiền, vòng đeo tay; và ba phần lễ đặt trong ba chiếc âu đồng, trong đó có gạo, một miếng cau, bốn lá trầu cắm xuống gạo theo hình thức dựa vào thành âu, dựng thẳng từ đáy âu lên miệng âu. Chính giữa hai chiếc âu cắm nến, âu giữa cắm một cây nến hình thẳng đứng, hai âu hai bên cắm cây nến tượng trưng hình người. Ngoài ra, trên mâm lễ còn có một chiếc cốc nhỏ bằng đồng để đựng cau trầu mời người thân trong buổi lễ, một chai rượu.

Nghi lễ cúng thần linh cũng là nghi lễ quan trọng của đám cưới, thành phần tham dự lễ cúng ông bà, thần linh, gồm cha mẹ cô dâu, chú rể, hai ông mai, hai người đại diện của hai bên. Cô dâu lúc này ngồi ở góc nhà, gần

nơi ngủ, chú rể ngồi cách xa khu vực tiến hành nghi lễ khoảng từ 2m đến 3m. Những cô gái, chàng trai phục vụ việc rước dâu, rước rể ngồi trong khu vực tiến hành nghi lễ cưới. Trình tự lễ cưới gồm: Lễ rước dâu và rước rể, lễ cúng tổ tiên, lễ chúc phúc.

Lễ rước dâu và rước rể: do hai ông mai chủ trì, có sự tham gia của các chàng trai cô gái thực hiện nghi thức, rước cô dâu được rước trước, chú rể rước sau. Khoảng cách từ khu vực tổ chức lễ cúng với cô dâu chỉ khoảng 4m đến 5m, với chú rể cũng chỉ chưa đầy 3m. Do đó, nói là đi nhưng thực ra, hai ông mai ngồi lê từng bước, vừa "đi" vừa rót rượu mời nhau, vừa hát đối đáp. Theo sau hai ông mai là hai cô gái trong đoàn, trên tay cầm theo một chiếc lược, một chai dầu thơm, một cây nến và tám en niêng pơ nô - tám vải dùng để trùm người cô dâu khi rước. Khi "đoàn rước" đến chỗ cô dâu đang ngồi, hai cô gái làm động tác trang điểm tượng trưng (chải tóc, thoa dầu thơm lên tóc, lên mặt), cô gái cầm nến ngồi trước cô dâu, cô gái còn lại ngồi phía sau cô dâu, họ dùng tám en niêng pơ nô trùm lên đầu cả ba người, rồi cùng cô dâu đứng dậy đi nhanh về nơi làm lễ cúng tổ tiên, cô dâu ngồi bên phải theo hướng nhìn ra cửa nhà. Nghi thức rước rể cũng được tiến hành tương tự, nhưng nhanh hơn do chú rể ở gần bàn lễ và hai người rước là hai chàng trai. Cô dâu và chú rể quỳ trên hai tám niêng tắt gấp thành khối, hoặc có thể là hai chiếc gối. Chú rể ở bên trái cô dâu,

trước mặt họ lúc này là các lễ vật, trong đó gần nhất là ba chiếc âu đựng gạo, cau trầu.

- *Lễ cúng ông bà, thần linh*: khi cô dâu và chú rể đã quỳ trước bàn lễ, ông mai nhà gái tiến hành các nghi thức cúng thần linh, ông bà. Trước tiên, ông mai nhà trai lấy chén gạo ở giữa, có cắm cây nến, khấn thần linh, sau đó lấy một ít gạo trong chén tung lên không gian lễ. Ông mai nhà trai rót một ly rượu, tiến đến cây nêu, vừa rót vào hai chiếc “cốc” treo trên cây nêu, vừa khấn mời ông bà. Tiếp theo, ông mai nhà gái thắp sáng cây nến trên âu gạo trước mặt cô dâu, đưa cho cô dâu, cô dâu vái lạy rồi chuyển cho chú rể. Chú rể nhận âu gạo từ cô dâu, lạy ba lạy, lấy một ít gạo trong âu tung lên rồi chuyển cho cô dâu. Cô dâu nhận chén gạo từ chú rể, thổi tắt cây nến rồi đặt xuống vị trí cũ. Nghi thức cúng của chú rể cũng tương tự. Sau đó, hai bên gia đình sẽ lần lượt dặn dò đôi vợ chồng mới cưới về những vấn đề trong cuộc sống, từ việc đối xử với cộng đồng, trách nhiệm của gia đình mới với cộng đồng đến việc chăm lo cho cuộc sống trong tương lai. Tiếp theo, cô dâu và chú rể dâng trầu cho cha mẹ hai bên để tỏ lòng tôn kính, cô dâu dâng trầu cho mẹ chồng và chú rể dâng trầu cho mẹ vợ. Kết thúc nghi lễ, chú rể nhận ở mẹ vợ một miếng cau, một miếng trầu và một ly rượu, chú rể phải uống hết rượu, ăn trầu. Cô dâu cũng nhận từ mẹ chồng tương tự và cũng phải dùng ngay, nhưng khi uống cô dâu tuyệt đối không ới, nhổ rượu.

Bà T.X. (xã Quang Minh huyện Chơn Thành), bà Đ.T.H. (xã Lộc Hòa huyện Lộc Ninh) cho biết: “Từ xa xưa, người Xtiêng cho rằng nếu làm hành vi này, cô dâu sẽ khó có con và khó sinh con”.

Sau nghi thức khấn cúng thần linh lần cuối, người đại diện nhà gái mang các chén cơm ra hiến nhà vừa khấn vừa mời vong linh những người đã mất về thụ hưởng. Cuối cùng là trình diễn cồng chiêng chúc mừng hai vợ chồng.

- *Lễ chúc phúc* được tiến hành sau nghi lễ cúng ông bà, thần linh. Theo trình tự, ông mai cột chỉ cho cô dâu trước, rồi đến lượt chú rể. Tiếp theo là hai bà mẹ, mẹ cô dâu cột chỉ cho cô dâu trước và cho một ít tiền vào âu đồng để mừng cho vợ chồng. Mẹ chú rể cũng làm tương tự. Khi cha mẹ hai bên, ông bà nội ngoại thực hiện xong nghi lễ chúc phúc, những người thân, họ hàng có quan hệ xa, bạn bè của cô dâu chú rể mới được phép thực hiện việc chúc phúc. Người chúc phúc thường có một món quà tặng để chúc mừng cho hai vợ chồng, ngày nay quà tặng chủ yếu là tiền mặt, họ đặt trực tiếp vào âu đồng đựng chỉ chúc phúc.

Trong khi những người còn lại đang tiến hành lễ chúc phúc, đại diện gia đình nhà trai cầm ba lễ vật gồm khiêng, chà gạt, lao, đi đến bên cây đà ngang của ngôi nhà để làm nghi thức đưa lễ vật vào nhà. Hai ông mai đứng hai bên, đại diện nhà trai tay cầm chà gạt làm động tác chặt tượng trưng vào đà ngang ba lượt, sau đó đưa qua cho đại diện nhà gái. Đại diện nhà gái

cũng tiến hành động tác chặt tượng trưng ba lượt.

3.1.3. Lễ đập tro

Trong lễ cưới của người Xtiêng Bù Đek còn có lễ Đập tro, lễ này tiến hành tại nhà trai. Sau lễ cưới ba ngày, gia đình nhà gái gồm cha, mẹ cùng cô dâu, chú rể và một số bà con dòng họ sang nhà trai để thực hiện lễ Đập tro. Thực chất, lễ này chính là lễ cưới được tổ chức ở nhà trai để những người thân, họ hàng của gia đình nhà trai chúc phúc, tặng quà cho cô dâu chú rể.

Khi đi, nhà gái phải mang theo những lễ vật trước đây nhà trai đã mang đến nhà gái trong ngày cưới, đó là: cau trầu, một bó mía, cốm ống, đầu heo, cổ heo, nội tạng của heo, một con gà; chiếc búa (đúng hơn là chiếc rìu - tiếng Xtiêng gọi là sung hoặc sul), một chiếc dao côi, chỉ cột tay (chỉ trắng), một chiếc sá (còn gọi là guì), một chiếc lao, một chiếc khiên, một âu đồng và một chung đồng, một chiếc vòng đeo tay bằng bạc.

Ở chân cầu thang lên nhà, gia đình nhà trai đặt một chiếc dềnh hang (vật dụng xúc cá), trong đó đựng một ít tro, một ít trấu, một ít lá nhao (loại lá dùng để nấu canh), một ít bông gòn và một thứ không thể thiếu là một hòn đá. Khi đến nhà cha mẹ chồng, cô dâu đi trước đến nơi đặt chiếc dềnh hang. Lúc này mẹ chồng cầm sẵn chiếc bầu hồ lô có nước, một người dì của chú rể cầm một chiếc dao (sau này là chiếc kéo) chờ sẵn. Cô dâu bước đến đặt chân phải lên viên đá, mẹ chồng

tay cầm bầu nước đổ vào ngón chân cái, vừa đổ vừa làm động tác rửa chân tượng trưng, sau đó cô dâu nhấc chân lên rồi đặt xuống. Kèm theo một lần nhấc lên, hạ xuống là một động tác người dì dùng dao cắt gọt lên móng chân cô dâu như là biểu trưng để làm sạch chân. Động tác vừa rửa chân, vừa nhấc chân lên đập xuống gọi là đập tro, mẹ chồng là người vừa làm động tác rửa chân vừa đếm số lần đập tro của cô dâu. Khi đập, cô dâu phải đập lần lượt hai chân, chân phải trước rồi đến chân trái sau, chân phải đập 7 lần, chân trái đập 8 lần. Kết thúc nghi thức đập tro, cô dâu đi vào nhà, đặt những lễ vật mang theo trên chiếc chiếu làm từ cây run đã được cha mẹ chồng chuẩn bị sẵn và ngồi luôn tại đó để tiến hành nghi lễ cúng thần linh, ông bà.

Sau các nghi lễ cúng thần linh, bà mẹ chồng tiến hành cột chỉ vào cổ tay cho cô dâu, chúc phúc và tặng cô dâu một vòng đeo tay bằng bạc, một ít tiền. Xong nghi lễ này, chú rể ra ngồi cùng cô dâu, hai tay ngửa lên, lòng bàn tay trái một chiếc khăn, trên đó đặt một chiếc rìu, một cái búa. Lần lượt từng người trong gia đình vào tiến hành nghi thức khấn xin thần linh và chúc phúc cho hai người. Ý nghĩa của việc đặt búa, rìu lên chiếc khăn chung trong lòng bàn tay có lẽ là hàm ý cầu mong hai vợ chồng được sống vững bền, gắn kết, đồng thời nhắc nhở hai vợ chồng phải siêng năng lao động để tạo ra của cải nuôi sống gia đình.

Người thân cũng tiến hành chúc phúc như ở nhà gái, tuy nhiên, chỉ dành cho những người chưa thực hiện nghi lễ này ở nhà gái. Cùng với động tác của người chúc phúc, cô dâu và chú rể cũng thực hiện động tác úp ngửa bàn tay có cầm các vật dụng là búa, rìu bảy lần. Cuối cùng, người chúc phúc tiến hành cột chỉ vào tay của cô dâu hoặc chú rể để đánh dấu sự kết thúc của lễ chúc phúc. Khi chúc phúc, những người tham gia sẽ tặng quà cho cô dâu chú rể. Quà tặng có thể là tám niêng tất, tám en điêng và thường gói trong đó một ít tiền. Khi nào không còn ai thực hiện nghi thức chúc phúc nữa, lễ Đạp tro sẽ kết thúc.

Sau nghi lễ Đạp tro kết thúc, hai vợ chồng ở lại nhà trai bao lâu tùy ý. Nhưng sau đó phải quay về sinh sống bên nhà gái. Họ bước vào cuộc sống mới trong niềm hân hoan của gia đình hai bên và cộng đồng.

3.2. Các nghi lễ trong hôn nhân của người Xtiêng Bù Lơ

Hôn nhân của người Xtiêng Bù Lơ là một chuỗi các nghi lễ, trong đó có những nghi lễ được thực hiện từ khi những chàng trai cô gái còn nhỏ. Bắt đầu bằng lễ hứa hôn và kết thúc bằng lễ rước dâu về nhà cha mẹ chồng.

3.2.1. Lễ hứa hôn

Tục hứa hôn trong cộng đồng người Xtiêng Bù Lơ ngày nay tuy không phổ biến nhưng đã từng tồn tại.

Khi hai gia đình nào đó ở trong Wăng - Poh hoặc ở khác Wăng - Poh, dù không có quan hệ huyết thống, dòng

họ nhưng có mối quan hệ tình cảm sâu đậm và muốn gắn bó lâu dài và hai gia đình đều có con nhỏ khác nhau về giới tính, có độ tuổi cách nhau không nhiều, hai gia đình sẽ tiến hành thực hành hứa hôn cho hai con.

Lễ hứa hôn được tổ chức bên nhà gái. Đến ngày tổ chức lễ, gia đình người có con trai mang qua gia đình người có con gái một con heo hoặc gà, một ít rượu, một chiếc ôi púc, một dây cề vích - dây thắt lưng... để làm lễ giao ước hôn nhân cho hai đứa trẻ. Gia đình có con gái sẽ nhận các lễ vật này, những vật lễ là đồ dùng sẽ được cất giữ, các vật lễ là thực phẩm thì mang ra chế biến để tiếp đãi nhau. Sau nghi lễ này, hai gia đình xem nhau như thông gia, hai người con coi như đã được định đặt hôn nhân. Đến khi đủ tuổi kết hôn, gia đình hai bên sẽ thông báo cho chàng trai và cô gái của hai gia đình biết việc hai bên đã có hứa hôn từ trước. Khi đó, nếu chàng trai và cô gái đồng ý lấy nhau, đám cưới sẽ được tổ chức. Trong trường hợp một trong hai người không đồng ý thì hôn lễ sẽ không diễn ra. Nếu chàng trai là người không muốn cưới cô gái đã được cha mẹ hứa hôn làm vợ thì gia đình này sẽ thông báo cho gia đình cô gái biết, hai bên tiến hành các nghi lễ để hủy hôn, gia đình chàng trai sẽ mất tất cả những lễ vật đã mang đi qua nhà gái làm đính ước. Trường hợp nếu cô gái không đồng ý lấy chàng trai đã được cha mẹ hứa hôn, gia đình cô gái sẽ thông báo cho gia đình chàng trai biết và trả lại những vật dụng đã

nhận của gia đình chàng trai trong lễ hứa hôn. Các vật lễ là vật dụng thì trả nguyên vẹn như đã nhận từ đầu, riêng heo và gà, rượu... gia đình cô gái chỉ phải trả lại mỗi thứ một nửa. Ông Đ.C. (ở thôn 2, xã Bình Minh, huyện Bù Đăng) cho biết, trước đây, tục hứa hôn rất phổ biến ở vùng Bù Lơ, hiện nay phong tục này đã giảm đi đáng kể, hầu như rất ít gia đình còn duy trì tục hứa hôn.

3.2.2. Lễ hỏi

Khi chàng trai để ý và muốn làm chồng cô gái nào đó, chàng trai sẽ nói với cha mẹ nhờ người mai mối cùng đi đến để xin cưới cô gái. Sau khi đến nhà gái, ông mai hai bên sẽ trao đổi những vấn đề về hôn nhân, về việc chàng trai muốn làm chồng cô gái. Nếu cô gái đồng ý, hai bên sẽ bàn bạc và thống nhất những vấn đề liên quan đến hôn nhân như: thời gian tổ chức lễ hỏi, các vật lễ nhà trai phải nộp cho nhà gái... Thời gian tổ chức lễ hỏi khá linh hoạt, họ có thể chọn bất kể ngày nào cũng được, không quan niệm về việc chọn ngày tốt xấu.

Đến ngày tiến hành lễ hỏi, gia đình nhà gái chuẩn bị những ẩm thực cần thiết đủ để tiếp đãi khách của hai bên. Vật lễ nhà trai phải mang qua nhà gái trong lễ hỏi gồm có: hai cái tổ, chà gạt, dao côi, mỗi thứ một cái, trâu và heo.

Lễ hỏi được bắt đầu bằng việc xác định xem cô gái và chàng trai có mối quan hệ thân tộc, cùng dòng họ, huyết thống hay không. Trong trường hợp hai người có quan hệ dòng họ, thuộc

diện không kết hôn được, các nội dung của lễ hỏi sẽ dừng lại. Nếu hai người được kết hôn, những nội dung khác sẽ được tiếp tục bàn bạc, thực hiện. Trong đó, quan trọng là bàn về ngày cưới, bàn về lễ vật. Nghi thức cuối cùng của lễ hỏi là việc nhà trai trao cho nhà gái những vật lễ mang theo. Khi mọi việc đã kết thúc, gia đình nhà gái mời nhà trai và họ hàng cùng dự tiệc.

Nếu mọi việc suôn sẻ, sau lễ hỏi không lâu, lễ cưới sẽ được tiến hành. Trường hợp khi một trong hai gia đình có người thân (cha, mẹ, ông bà) chết, đám cưới buộc hoãn ít nhất một năm. Tuy nhiên, phong tục của người Xtiêng Bù Lơ cho phép hai vợ chồng đã tổ chức lễ hỏi được về sống chung với nhau cho đến ngày có thể tổ chức lễ cưới.

3.2.3. Lễ cưới

Lễ cưới được tổ chức ở nhà gái. Đến ngày cưới, nhà trai mang sang nhà gái các vật lễ gồm: dao côi, chà gạt, tổ, lao, trâu, heo với số lượng hai bên đã thống nhất từ lễ hỏi. Nghi lễ gồm ba phần chính:

- Phần thứ nhất: hai ông mai kể lai lịch, xuất thân của cha mẹ hai bên, của gia đình cô dâu chú rể để xem xét điều kiện kết hôn. Đây là bước nhắc lại mang tính thủ tục, vì vấn đề này đã được xác định tại lễ hỏi.

- Phần thứ hai: bàn và thống nhất về việc “trả cửa”. Ông mai nhà gái thông báo cho nhà trai về việc trước đây bà ngoại của cô dâu đã được trả của gồm những gì, bao nhiêu thứ, giá trị ra

sao. Đồng thời xác định sau này chú rể có trách nhiệm phải trả của cho mẹ vợ tương tự. Nếu vì lý do nào đó (kinh tế khó khăn, hoàn cảnh neo đơn) nhà trai có thể bàn bạc và xin giảm bớt số lượng tài sản phải trả của. Tuy nhiên, các điều kiện về trả của do nhà gái đưa ra, đa phần gia đình chú rể đều phải thực hiện.

- Phần thứ ba là trao vật lễ: nhà trai chỉ trao cho nhà gái những lễ vật quan trọng, có kích thước nhỏ, đó là: chà gạt, dao côi, lao (mỗi thứ một cái) và tổ (hai cái). Tiếp theo cha của chú rể đưa cha của cô dâu ra ngoài để trao những vật lễ không thể trao trực tiếp trong nhà, là heo, trâu. Nhà gái nhận vật lễ, sau đó giết mổ và chế biến để mời khách hai bên.

Những người đi tham dự lễ cưới, trước đây họ mang những tấm niềng tất, ôi puk, ôi cách, ôi zoong... để làm quà mừng. Cuối buổi tiệc cưới, khi nhà trai ra về, hai vợ chồng mang những món quà đã nhận được ra tặng lại cho các thành viên của gia đình nhà trai, mỗi người một món quà. Điều này theo họ là để thể hiện tấm lòng hiếu thảo của đôi vợ chồng đối với gia đình nhà trai. Hiện nay, một số nơi vẫn còn duy trì hình thức tặng quà cưới này, một số gia đình tại Bình Minh, Đoàn Kết, người đi dự lễ cưới còn sử dụng các loại chăn được sản xuất công nghiệp để làm quà mừng.

3.2.4. Lễ trả của

Lễ trả của là một trong những phong tục quan trọng không kém lễ cưới của người Xtiêng nhánh Bù Lơ.

Khảo sát tại một đám cưới ở xã Bình Minh huyện Bù Đăng, tác giả ghi nhận được những tài sản mà chàng trai và gia đình nhà trai phải trả⁽⁴⁾ cho nhà gái như sau:

- Heo: 12 con, trả làm nhiều lần, tại lễ cưới, tại lễ trả của.
- Trâu làm lễ cưới: 1 con.
- Trâu chặt (làm thịt đãi khách ở nhà trai): 1 con.
- Trâu kéo: 2 con (1 mẹ, 1 con).
- Lao, chà gạt, dao côi, mỗi thứ một cái (đã trao tại lễ cưới).
- Xà lung 7 mắt (loại có giá trị nhất, hiện nay khoảng 35 triệu đồng): 1 cái.
- Tổ 3 mắt: 3 cái.
- Tổ người Kinh⁽⁵⁾: 1 cái.
- Tổ Gry (có giá khoảng 6 triệu đồng 1 cái): 2 cái.
- Tổ Pây Vung (khoảng 16 triệu đồng): 1 cái.
- Tổ Vang tăng sôi (giá trị khoảng 15 triệu đồng): 2 cái.
- Tổ Naray (giá trị khoảng 17 triệu đồng): 1 cái.
- Tổ 3 mắt (là loại gồm Bình Dương, mới sản xuất trong giai đoạn hiện nay, có giá khoảng 350.000 đồng/cái): 40 cái.

Lễ trả của được tổ chức bên phía nhà trai, chậm nhất một tháng sau lễ cưới, gia đình nhà trai phải tiến hành nghi lễ này.

Tối ngày hôm trước, gia đình nhà gái đến nhà trai để cha mẹ vợ của chú rể tổ chức bữa cơm tiếp đãi sui gia. Trong buổi tiếp đãi, gia đình nhà trai tổ

chức trình diễn các loại hình nghệ thuật dân gian để chào mừng gia đình nhà gái, để các thành viên trong Poh có điều kiện giao lưu với nhau. Sáng hôm sau, gia đình nhà trai làm thủ tục thông báo và giao những vật lễ dùng để làm thực phẩm đãi khách như trâu, heo cho nhà gái. Gia đình nhà gái tiếp nhận, nhờ những người thân tiến hành lễ cúng thần linh.

Đến khoảng 12 giờ trưa sau khi ăn uống xong, gia đình nhà trai bắt đầu tiến hành nghi thức trả của cho nhà gái. Chú rể mang tất cả những vật lễ đặt giữa sân, trong đó lễ vật quan trọng nhất là ché, hai chiếc tổ có giá trị sẽ đặt thành một nhóm. Đại diện gia đình hai bên và ông mai của nhà gái xác nhận lại số vật lễ đã thống nhất trong lễ cưới, tiến hành kiểm tra. Sau khi đã trả hết của cho gia đình nhà vợ chàng rể có thể tổ chức rước vợ về Wăng - Poh của mình, nhà trai sẽ tổ chức lễ Cô lô Nak đón tiếp thành viên mới.

3.2.5. Lễ rước vợ về nhà

Lễ rước dâu về Wăng - Poh được tổ chức tại nhà cha mẹ của chàng trai và tương tự như lễ cưới. Hai gia đình phải chuẩn bị các lễ vật để trao cho nhau, chuẩn bị các lễ vật cúng thần linh, đặc biệt nhà trai phải chuẩn bị lễ vật để tiếp đón gia đình nhà gái và mời khách trong Wăng - Poh.

- Phía nhà gái: cha mẹ cô gái chuẩn bị cơm ống, mía, chuối, rượu, hai tấm ôi zoong (dành tặng riêng cho cha mẹ chàng trai). Đặc biệt là phải có nguyên một con heo nướng chín để đưa sang nhà trai. Những người thân trong gia

đình như chuẩn bị các món quà tặng (chăn đắp bằng thổ cẩm loại thường), tất cả được để trong một chiếc xá's để trao cho nhà trai.

- Phía nhà trai: chuẩn bị các vật lễ trao cho nhà gái (thường là 10 cái tổ và một bộ ching - chiêng hoặc goong - cồng), một con trâu, cơm ống các loại thực phẩm khác để đón tiếp nhà gái và khách mời hai bên.

Nơi tổ chức nghi lễ khá linh hoạt. Nếu nhà rộng, các hoạt động và nghi lễ cúng thần linh được tiến hành ở không gian trong nhà cha mẹ chàng trai. Nếu nhà không đủ rộng, nhà trai sẽ làm một chiếc sạp tre dài (đặt ở trước cửa nhà), đủ để cho các thành viên có liên quan ngồi trao đổi công việc và tiến hành lễ cúng thần linh.

Khi gia đình nhà gái đến: cha mẹ hai bên, hai vợ chồng và hai ông mai bày soạn các lễ vật. Đại diện gia đình nhà gái trao đổi trước, đó là thông báo với gia đình họ hàng nhà trai rằng cô con gái trước đây đã kết hôn với chàng trai. Chàng trai đã thực hiện xong việc trả của cho cha mẹ vợ, nay gia đình đưa vợ chồng về sinh sống bên nhà chồng. Tiếp theo, hai bên tiến hành lễ cúng thần linh để xin phép cho cô gái được về cư trú trong gia đình chồng, trong Wăng - Poh của chồng.

Hiện nay, người Xtiêng Bù Lơ vùng Bù Đăng vẫn giữ nguyên phong tục này, những nơi khác có sự thay đổi ít nhiều. Người Xtiêng ở huyện Phú Riềng sau lễ cưới thì tiến hành luân lễ trả của bằng cách nhà trai trao cho nhà gái 50 triệu đồng, sau đó rước

con dâu về nhà trai cư trú, các nghi lễ rước về cũng được tiến hành một cách giản đơn. Ở vùng Bù Gia Mập, sau lễ cưới, gia đình nhà trai phải tổ chức lễ rước gia đình con trai về nhà với nghi lễ như trước đây. Nhưng việc trả của có sự thay đổi, gia đình nhà trai chỉ đưa cho nhà gái một ít tiền (từ hơn 10 triệu đến vài chục triệu đồng), sau đó rước con dâu về sinh sống bên gia đình, các nghi lễ và phong tục liên quan đến hôn nhân của hai vợ chồng trẻ kết thúc.

Bà T.N (thôn Bù Gia Phúc I xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập) cho biết, trước đây, lễ rước vợ về nhà rất ít được tổ chức do nhiều gia đình sau khi cưới không thể trả của cho gia đình vợ nên phải ở suốt bên nhà vợ. Ngày nay, nhờ có sự thay đổi, các gia đình linh hoạt hơn trong việc trả của (số tài sản phải trả đã được giảm bớt), do đó các gia đình có điều kiện để thực hiện trả của và rước vợ về nhà cha mẹ ruột để sinh sống.

3.3. Một số nhận xét về nghi lễ hôn nhân giữa hai nhóm Bù Lơ và Bù Đek

Trong hôn nhân, người Xtiêng ở Bình Phước có các nghi thức, nghi lễ và phong tục đa dạng, phong phú. Điểm tương đồng trong các nghi lễ liên quan đến hôn nhân của người Xtiêng Bù Lơ và Bù Đek là những vật lễ. Cả hai cộng đồng đều có những vật lễ không thể thiếu là chà gạt, lao, vòng đeo tay, sản phẩm thổ cẩm... Đây là những vật dụng có vai trò rất quan trọng, có thể nói là không thể thiếu

trong đời sống, lao động sản xuất và lễ hội của người Xtiêng.

Về mặt khác biệt, hai nhóm cư dân có nhiều nét khác nhau trong các nghi lễ cưới hỏi. Như đã phân tích ở trên, ngoài hai nghi lễ là hỏi và cưới cả hai nhánh Bù Lơ và Bù Đek đều có thực hành một số nghi lễ còn lại, mỗi nhóm cư dân đều có sự khác nhau: người Bù Lơ có lễ hứa hôn, lễ trả của, lễ rước vợ về nhà, người Xtiêng Bù Đek có lễ Đạp tro. Các nghi lễ trong hỏi, cưới của người Xtiêng Bù Lơ chú trọng đến yếu tố hội, yếu tố dân gian nhiều hơn, các yếu tố nghi lễ gắn với thế giới tâm linh khá mờ nhạt. Ngược lại, các nghi lễ liên quan đến thế giới tâm linh trong lễ hỏi, cưới của người Xtiêng Bù Đek đậm nét hơn; họ thực hành các nghi lễ cúng rất thành kính, công phu. Những tương đồng và khác biệt các nghi lễ trong hôn nhân của người Xtiêng ở Bình Phước, xuất phát từ nhiều yếu tố khác nhau. Về mặt xã hội, người Xtiêng Bù Đek cư trú ở khu vực đồng bằng, nơi có những vùng đất trũng rộng lớn để canh tác lúa nước. Người Xtiêng Bù Lơ ngoài sản xuất nương rẫy, cuộc sống của họ gắn với hoạt động khai thác tự nhiên, với họ rừng là môi trường sống, môi trường hình thành những loại hình văn hóa ứng xử phù hợp với cuộc sống của họ. Đặc biệt, trong khu vực cư trú, hai cộng đồng cư dân có quá trình giao thoa tiếp biến với các dân tộc trong khu vực. Người Bù Lơ cộng cư và giao thoa văn hóa với người Mnông, Mạ, những cư dân có nền văn

hóa mang đậm yếu tố Trường Sơn - Tây Nguyên. Trong khi đó, người Xtiêng Bù Đek cộng cư giao thoa và tiếp biến văn hóa với dân tộc Khmer, một cộng đồng cư dân sinh sống lâu đời ở vùng đất Bình Phước. Sự giao thoa và tiếp biến văn hóa giữa người Xtiêng với các dân tộc trong vùng cư trú đã tạo nên sự đa dạng phong phú trong văn hóa của họ, đồng thời cũng đã tạo ra sự khác biệt trong một số loại hình văn hóa, trong đó có các nghi lễ cưới hỏi truyền thống.

Nội dung và quy trình của lễ hỏi, cưới của người Xtiêng Bình Phước bao hàm nhiều thành tố văn hóa có giá trị đặc trưng. Điều này góp phần chứng minh về bề dày văn hóa, lịch sử hình thành lâu đời của người Xtiêng trên vùng đất Bình Phước. Cho đến nay, có những nghi lễ, phong tục vẫn còn nguyên giá trị, tạo nên bản sắc văn hóa của người Xtiêng ở Bình Phước.

Hiện nay, trong xu hướng phát triển chung của xã hội, các nghi lễ truyền thống trong hôn nhân của người Xtiêng Bình Phước tồn tại và biến đổi ở nhiều mức độ khác nhau. Ở góc độ bảo tồn nguyên vẹn các yếu tố cấu thành nghi lễ, tại các địa phương như xã Đoàn Kết, xã Bình Minh, xã Minh Hưng huyện Bù Đăng; xã Lộc Hòa huyện Lộc Ninh, xã Thanh Phú thị xã Bình Long, xã Phú Nghĩa huyện Bù Gia Mập, nội dung và thủ tục cưới hỏi vẫn duy trì tổ chức theo nghi thức truyền thống. Xã Bình Minh, xã Đoàn Kết huyện Bù Đăng vẫn còn duy trì lễ trả của nhưng có sự thay đổi về mặt

nội dung thủ tục. Chẳng hạn, ở nhánh Xtiêng Bù Đek nhiều nơi, trong lễ cưới, họ chỉ thực hiện nghi lễ cúng thần linh và chúc phúc, không tổ chức nghi thức rước dâu, rước rể, nghi thức hát đối đáp trong đón tiếp và cúng thần linh cũng bị lược bỏ. Trong đó, người Xtiêng nhánh Bù Lơ, một số nơi như huyện Phú Riềng, huyện Bù Gia Mập, lễ trả của được thay đổi theo hướng giảm nhẹ số của cải vật chất nhà trai phải trả cho nhà gái, có nơi quy thành tiền với số tiền từ 20 triệu đến 50 triệu và trả một lần. Do đó, các gia đình nhà trai có điều kiện để thực hiện và cũng vì vậy, lễ rước vợ về nhà được thực hiện thường xuyên hơn. Một số nơi, nghi thức hát đối đáp trong đám cưới của nhánh Xtiêng Bù Đek không còn duy trì hoặc chỉ duy trì ở một số nghi lễ, nghi thức cúng thần linh. Ở một góc độ khác, nhiều nơi, một số nghi lễ, nghi thức truyền thống đã bị mai một. Chẳng hạn như lễ hứa hôn của người Xtiêng Bù Lơ; ở Hón Quán, Chơn Thành, lễ Đạp tro của người Xtiêng Bù Đek không còn tổ chức. Ngoài ra, trong quá trình tổ chức lễ cưới, nếu người Xtiêng nhánh Bù Lơ vẫn tiếp đón và đãi khách theo hình thức truyền thống thì người Xtiêng Bù Đek còn tổ chức cưới theo kiểu hiện đại của các dân tộc khác, họ đặt tiệc để đãi khách tại các nhà hàng, tại khuôn viên rạp do dịch vụ tiệc cưới dựng lên. Sự thay đổi đó có những mặt tích cực và hạn chế nhất định. Việc thay đổi góp phần làm cho cuộc sống của các gia đình trẻ tốt hơn, đặc biệt là sự thay đổi thủ tục trả của theo

hướng giảm nhẹ số của cải gia đình nhà trai phải trả cho nhà gái giúp các gia đình có điều kiện để chăm lo cho cuộc sống. Tuy nhiên, một số nghi lễ giao thoa với cộng đồng khác và tiếp biến sẽ làm giảm đi bản sắc của cộng đồng người Xtiêng Bình Phước.

4. KẾT LUẬN

Nghi lễ cưới hỏi đóng vai trò quan trọng trong đời sống của cộng đồng dân tộc Xtiêng, thể hiện những loại hình di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) có giá trị tiêu biểu phản ánh đặc trưng văn hóa của cộng đồng có lịch sử cư trú lâu đời ở vùng đất Bình Phước nói riêng, Đông Nam Bộ nói chung.

Ngày nay, do quá trình hội nhập và phát triển diễn ra mạnh mẽ, tác động nhiều mặt đến đời sống xã hội, hôn

nhân và các nghi lễ văn hóa liên quan đến hôn nhân của người Xtiêng ở Bình Phước đã có những biến đổi nhất định. Bên cạnh những cộng đồng Xtiêng bị mai một một phần các loại hình nghi lễ liên quan đến hôn nhân thì người Xtiêng ở nhiều nơi như Bình Minh, Đoàn Kết, Bom Bo (Bù Đăng), Lộc Hòa, Lộc An (Lộc Ninh), Quang Minh (Chơn Thành)... vẫn duy trì được các thành tố văn hóa truyền thống này. Ngoài ra, cộng đồng còn tiếp thu và vận dụng một cách hài hòa một số yếu tố mới, hiện đại vào trong các nội dung, hoạt động liên quan đến hôn nhân. Điều này vừa phản ánh sự thích ứng với thời đại, vừa đáp ứng nhu cầu hưởng thụ của cộng đồng, làm phong phú thêm hoạt động liên quan đến hôn nhân của cộng đồng cư dân này. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Tên dân tộc này có nhiều cách viết: Stiêng, Xtiêng, cách viết của tác giả dựa vào Quyết định 121-TCTK/PPCĐ ngày 2/3/1979 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thống kê về ban hành *Danh mục các dân tộc Việt Nam*.

⁽²⁾ Các cộng tác viên Châu Thị Ánh (Chơn Thành), Điều Thị Hà (Lộc Ninh), Điều Tử (Đồng Xoài), Điều K'rười, Điều Mớ (Bù Đăng), Điều Khuê (Bù Đăng), Thị Nguyệt (Bù Gia Mập) hỗ trợ cung cấp thông tin, giúp đỡ, phiên dịch tiếng Xtiêng ra tiếng phổ thông.

Các cuộc phỏng vấn sâu với các già làng Điều Grót (Bù Đốp), Điều Kiêu (Bù Gia Mập), Điều Lên (Bù Đăng), Thị Xếp (Chơn Thành), Thị Hồng (Lộc Ninh), Điều Srem (Đồng Xoài), Điều Khuy (Phước Long)...

⁽³⁾ Wăng là cách để người Xtiêng Bù Đek gọi nơi cư trú của họ, còn Poh là cách gọi của người Xtiêng Bù Lơ, hiện nay nhiều nơi có cách gọi phổ biến là Sóc.

⁽⁴⁾ Ghi nhận tại đám cưới ở Thôn Bom Bo xã Bình Minh huyện Bù Đăng ngày 3/3/2020.

⁽⁵⁾ Thực chất đây là bình gốm Lái Thiêu, loại có kích thước lớn, cổ cao, trên thân có trang trí hoa văn hình rồng, có niên đại khoảng trên 100 năm.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bảo tàng tỉnh Bình Phước. 2010. *Tổng điều tra di sản văn hóa phi vật thể của người Xtiêng Bình Phước*. Báo cáo tổng hợp dự án Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Mạc Đường. 1985. *Vấn đề dân tộc ở Sông Bé*. TPHCM: Nxb. Tổng hợp.
3. Nguyễn Thành Đức. 2004. *Múa dân gian tộc người Mạ, Chơ ro, Xtiêng vùng Đông Nam Bộ*. Hà Nội: Nxb. Văn hóa Dân tộc.
4. Phạm Hữu Hiến. 2016. “Họ, dòng họ của người Xtiêng và văn hóa ứng xử cộng đồng”, Hội thảo Việt Nam Học lần thứ V, năm 2016.
5. Phan An. 2007. *Hệ thống xã hội tộc người của người Stiêng Việt Nam từ thế kỷ XIX đến năm 1975*. TPHCM: Nxb. Đại học Quốc gia.
6. Phan An. 2015. *Từ Tây nguyên đến Đông Nam Bộ - Văn hóa tộc người*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
7. Phạm Đức Ngự. 2018. “Cây nêu – nét độc đáo trong đời sống văn hóa người Xtiêng”. www.baotangbinhphuoc.org.vn, truy cập ngày 16/3/2020.
8. Phan Xuân Viện. 2017. *Truyện cổ Xtiêng* – Phiên bản dành cho người nghiên cứu. TPHCM: Nxb. Trẻ.
9. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Bình Phước. 2020. Báo cáo “Kết quả phục dựng lễ cưới truyền thống của người Xtiêng Bù Đek”.
10. Tỉnh ủy Bình Phước. 2015. *Địa chí Bình Phước*.